**NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ NĂM HỌC 2019 – 2020**

LỚP 12:

Giới hạn ôn: Các bài 10 + 11 + 12 + 14.

Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm khách quan 4 đáp án.

**BÀI 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

**Câu 1.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng rõ rệt nhất đến hoạt động

**A**. nông nghiệp. **B.** công nghiệp.

**C**. dịch vụ. **D**. sinh hoạt của con người.

**Câu 2.** Tác động của sự phân hóa khí hậu đến sản xuất nông nghiệp ở nước ta thể hiện ở việc

**A**. thuận lợi để phát triển nông nghiệp lúa nước. **B**. tăng khả năng thâm canh.

**C**. tạo điều kiện để đa dạng hóa nông sản.

**D**. trồng nhiều loại cây có giá trị như cà phê, cao su…

**Câu 3.** Độ ẩm cao trên 80% ***không*** ảnh hưởng đến

**A**. bảo quản nông sản. **C**. bảo quản máy móc, thiết bị.

**B**. hoạt động du lịch. **D**. sức khỏe của con người.

**Câu 4.** Ngành kinh tế nào sau đây sẽ phát triển thuận lợi hơn vào mùa khô?

**A**. Giao thông đường thủy **B**. Nuôi trồng thủy sản

**C**. Thủy lợi **D**. Công nghiệp xây dựng

**Câu 5.** Biện pháp ***không*** thích hợp để hạn chế ảnh hưởng do tính thất thường của khí hậu nước ta là

**A**. tăng vụ. **B**. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ hợp lý.

**C.** làm tốt công tác dự báo thời tiết. **D**. tích cực làm công tác thủy lợi, trồng rừng.

**Câu 6.** Quá trình hình thành địa hình phổ biến ở nước ta là

**A**. xói mòn – rửa trôi. **B.** bồi tụ - sạt lở.

**C**. bào mòn – bồi tụ. **D**. xâm thực - bồi tụ.

**Câu 7.** Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ***không*** biểu hiện ở đặc điểm nào?

**A.** xâm thực mạnh ở đồi núi. **C.** bồi tụ nhanh ở đồng bằng.

**B**. hàng năm đồng bằng tiếp tục lấn ra biển. **D**. hình thành các dãy núi cao ở Tây Bắc.

**Câu 8.** Địa hình mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ***không*** do tác động của

**A**. khí hậu nóng ẩm. **C**. mưa nhiều.

**B**. con người. **D**. vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ.

**Câu 10.** Địa hình đồi núi ở nước ta bị xâm thực mạnh ***không*** do nguyên nhân nào?

**A**. bề mặt địa hình bị mất lớp phủ thực vật. **C**. chế độ mưa và nhiệt độ theo mùa.

**B**. địa hình dốc. **D**. vận động kiến tạo.

**Câu 11.** Hai khu vực có dạng địa hình caxtơ phổ biến ở nước ta là

**A**. Đông Bắc và Trường Sơn Nam. **B**. Trường Sơn Bắc và Tây Bắc.

**C**. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc. **D**. Đông Bắc và Tây Bắc.

**Câu 12.** Hàng năm, đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long vẫn tiến ra biển trung bình

**A**. hàng km. **B**. vài trăm mét.

**C**. hàng trăm mét. **D**. từ vài chục đến hàng trăm mét.

**Câu 13.** Ở đồng bằng sông Hồng, quá trình lấn ra biển diễn ra chủ yếu ở phía

**A**. Tây Bắc. **B.** Đông Nam. **C.** Đông. **D**. Nam

**Câu 14.** Ý nào sau đây **không** đúng về đặc điểm sông ngòi nước ta?

**A**. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. **B**. Chủ yếu là các sông lớn.

**C**. Sông có thủy chế theo mùa. **D**. Sông nhiều nước, giàu phù sa.

**Câu 15.** Sông ngòi nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa ***không*** thể hiện ở đặc điểm nào sau đây?

**A**. Sông ngòi dày đặc. **C**. Sông nhiều nước, giàu phù sa.

**B**. Chế độ nước sông theo mùa. **D**. Mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

**Câu 16.** Số lượng sông dài trên 10km khoảng

**A**. 2360 sông **B**. 3602 sông **C**. 2630 sông **D.** 3260 sông.

**Câu 17.** Dọc bờ biển nước ta cứ đi khoảng bao nhiêu km có một cửa sông?

**A**. 200km **B**. 20km **C**. 20m **D.** 200m.

**Câu 18.** Tổng lượng phù sa hằng năm do sông ngòi bồi đắp cho các sông ở nước ta khoảng

**A**. 20 triệu tấn. **B.** 200 triệu tấn. **C**. 20 triệu ha. **D.** 200 triệu ha.

**Câu 19.** Hệ thống sông có lượng phù sa lớn nhất nước ta là

**A**. sông Hồng. **B.** sông Cửu Long. **C.** sông Mã. **D**. sông Đồng Nai.

**Câu 20.** Sông ngòi nước ta nhiều nước ***không*** thuận lợi cho phát triển ngành kinh tế nào?

**A**. thủy điện. **B.** thủy sản. **C.** thủy lợi. **D.** giao thông.

**Câu 21.** Sông ngòi nước ta có chế độ dòng chảy

**A**. điều hòa. **B.** cân đối. **C**. thất thường. **D**. tương đối ổn định.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, đi từ Bắc xuống Nam tương ứng là các hệ thống sông lớn:

**A**. sông Cả, sông Hồng, sông Đồng Nai, sông Đà Rằng.

**B**. sông Hồng, sông Cả, sông Đồng Nai, sông Đà Rằng.

**C**. sông Hồng, sông Cả, sông Đà Rằng, sông Đồng Nai.

**D**. sông Đồng Nai, sông Cả, sông Đà Rằng, sông Hồng.

**Câu 23.** Quá trình hình thành đất chủ yếu ở Việt Nam là quá trình

**A**. rửa trôi các ôxit nhôm, sắt.**B**. hình thành đá ong.

**C**. feralit. **D**. bồi tụ phù sa.

**Câu 24.** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

**A.** đất feralit. **B.** đất badan. **C.** đất phù sa. **D.** đất phèn, mặn.

**Câu 25.** Đất feralit có đặc điểm:

**A**. màu vàng, mang tính kiềm. **C.** chua, có màu đỏ vàng.

**B**. màu nâu đỏ, tầng đất dày. **D.** có ô xit sắt, nhôm, mang tính kiềm.

**Câu 26.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết: Trong hệ đất đồi núi, nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

**A**. đất feralit đỏ vàng trên đá mẹ axit, đá phiến sét. **B**. đất xám phù sa cổ.

**C**. đất feralit nâu đỏ trên đá mẹ badan và đá vôi. **D**. đất mùn alit núi cao.

**Câu 27.** Đất feralit có màu đỏ vàng là do có sự tích tụ của

**A**. chất badơ dễ tan. **B**. Ca2+, Mg2+, K+.

**C**. ôxit sắt và ô xit nhôm. **D**. nhiều hợp chất kim loại.

**Câu 28.** Đất feralit ***không*** thuận lợi để phát triển

**A**. cây công nghiệp, cây ăn quả. **B**. rừng.

**C**. cây công nghiệp lâu năm, trồng rừng, cây ăn quả. **D**. cây lương thực, thực phẩm.

**Câu 29.** Sinh vật nước ta mang sắc thái nhiệt đới ẩm gió mùa do cây cối sinh trưởng trên

**A**. đất feralit trong điều kiện độ ẩm cao, mưa nhiều, nắng nhiều.

**B**. đất ba dan trong điều kiện độ ẩm cao, mưa nhiều, nhiệt độ cao.

**C**. đất phù sa trong điều kiện độ ẩm cao, mưa nhiều.

**D**. đất feralit trong điều kiện độ ẩm, nhiệt độ ở mức trung bình.

**Câu 30.** Rừng nguyên sinh phát triển trên đất feralit trong điều kiện nóng ẩm là

**A.** rừng rậm, nhiệt đới ẩm, lá rộng thường xanh. **C.** rừng gió mùa thường xanh.

**B.** rừng gió mùa nửa rụng lá. **D.** rừng ngập mặn.

**Câu 31.** Rừng thứ sinh phát triển trên đất feralit trong điều kiện khí hậu nóng ẩm là

**A**. rừng rậm, nhiệt đới ẩm, lá rộng thường xanh. **C**. rừng gió mùa thường xanh.

**B**. rừng lá kim. **D**. rừng ngập mặn.

**Câu 32.** Thảm thực vật Việt Nam đa dạng về kiểu sinh thái do nguyên nhân cơ bản nào sau đây?

**A**. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp.

**B**. Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hóa phức tạp.

**C**. Sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.

**D**. Vị trí địa lý nằm ở nơi giao thoa của các luồng di cư sinh vật.

**Câu 33.** Nguyên nhân nào sau đây quyết định tính chất phong phú về thành phần loài thực vật Việt Nam?

**A.** Địa hình đồi núi chiếm ưu thế lại phân hoá phức tạp. **B**. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** Vị trí nằm ở nơi giao lưu của các luồng di cư sinh vật. **D**. Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất.

**Câu 34.** Yếu tố thiên nhiên nào sau đây ***không*** mang tính nhiệt đới gió mùa ẩm?

**A**. Khoáng sản nội sinh **C**. Sinh vật

**B.** Sông ngòi **D**. Địa hình, đất đai

**Câu 35.** Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam thể hiện trực tiếp và rõ nét nhất qua thành phần tự nhiên

**A.** địa hình. **B**. khí hậu. **C.** sông ngòi. **D**. đất.

**BÀI 11+12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

1. Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng theo

**A**. Bắc - Nam, Đông Bắc - Tây Nam và theo độ cao. **B**. Bắc – Nam; Đông - Tây và theo độ cao.

**C.** Bắc - Nam, Đông -Tây và Đông Bắc - Tây Nam. **D**. Đông –Tây; Đông Bắc -Tây Nam và theo độ cao.

2. Ranh giới phân chia thiên nhiên theo Bắc - Nam là

**A**. dãy Hoành Sơn. **B**. dãy Bạch Mã. **C**. dãy Phan-xi-păng **D**. đèo Ngang.

3. Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên nước ta phân hóa theo Bắc - Nam là

**A**. sự phân hóa của khí hậu. **B**. sự khác biệt về địa hình.

**C**. ảnh hưởng của biển Đông. **D**. sự đa dạng của sinh vật.

4. Đặc trưng cho phần lãnh thổ phía Bắc là kiểu khí hậu

**A**. cận xích đạo gió mùa. **B**. cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm.

**C**. xích đạo nóng ẩm. **D.** nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

5. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc?

**A**. Nền nhiệt tương đối thấp. **B**. Biên độ nhiệt năm nhỏ.

**C**. Có mùa đông lạnh rõ rệt. **D**. Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

6. Đặc điểm về nhiệt độ của khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc là

**A**. nhiệt độ trung bình năm trên 200C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

**B**. nhiệt độ trung bình năm trên 200C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

**C**. nhiệt độ trung bình năm trên 250C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

**D**. nhiệt độ trung bình năm trên 250C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

7. Đặc điểm nào dưới đây **không** phải của khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc?

**A**. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo. **B**. Nhiệt độ trung bình năm trên 200C.

**C**. Trong năm có 2-3 tháng nhiệt độ < 180C. **D**. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

8. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

**A**. rừng nhiệt đới gió mùa. **B**. rừng cận nhiệt đới gió mùa.

**C**. rừng xích đạo gió mùa. **D**. rừng cận xích đạo gió mùa.

9. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc?

**A**. Có mùa đông lạnh rõ rệt, biên độ nhiệt năm lớn. **B**. Cảnh sắc thiên nhiên thay đổi theo mùa.

**C**. Thành phần loài cận nhiệt đới chiếm ưu thế. **D**. Mùa hạ nóng, ẩm; mùa đông lạnh, ít mưa.

10. Đặc trưng cho phần lãnh thổ phía Nam là kiểu khí hậu

**A**. cận nhiệt đới gió mùa. **B**. xích đạo nóng ẩm.

**C**. cận xích đạo gió mùa. **D**. nhiệt đới ẩm gió mùa.

11**.** Đặc điểm về nhiệt độ của khí hậu phần lãnh thổ phía Nam là

**A**. nhiệt độ trung bình năm trên 200C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

**B**. nhiệt độ trung bình năm trên 200C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

**C**. nhiệt độ trung bình năm trên 250C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

**D**. nhiệt độ trung bình năm trên 250C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

12. Đặc điểm nhiệt độ nào dưới đây **không** phải của khí hậu phần lãnh thổ phía Nam?

**A**. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo. **B**. Nhiệt độ trung bình năm trên 250C.

**C**. Trong năm có 2-3 tháng nhiệt độ trung bình < 180C. **D**. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

13. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam?

**A**. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. **B.** Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.

**C**. Nhiệt độ trung bình năm trên 250C. **D**. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.

14. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam?

**A**. Nền nhiệt cao, biên độ nhiệt năm nhỏ. **B**. Thành phần loài xích đạo, nhiệt đới chiếm ưu thế.

**C**. Cảnh sắc thiên nhiên thay đổi 4 mùa. **D**. Có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.

15. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm khí hậu phần lãnh thổ phía Nam?

**A**. Nền nhiệt tương đối cao. **B**. Biên độ nhiệt năm nhỏ.

**C**. Có mùa đông lạnh rõ rệt. **D**. Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

16. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là

**A**. rừng xích đạo gió mùa. **B**. rừng cận xích đạo gió mùa.

**C**. rừng nhiệt đới gió mùa **D**. rừng cận nhiệt đới gió mùa.

17. Ở phần lãnh thổ phía Nam, nơi xuất hiện rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

**A**. Đông Nam Bộ. **B**. cực Nam Trung Bộ. **C**. ven biển miền Trung. **D**. Tây Nguyên.

18. Từ Đông sang Tây thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành ba dải rõ rệt là:

**A**. vùng biển và thềm lục địa - vùng đất - vùng trời.

**B**. vùng biển và thềm lục địa – vùng đồng bằng ven biển – vùng đồi núi.

**C**. vùng biển và thềm lục địa – vùng đồi núi thấp – vùng núi cao.

**D**. vùng biển và thềm lục địa – vùng đồng bằng – vùng cao nguyên.

19. Ở vùng đồi núi, sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây chủ yếu do

**A**. độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau. **B**. tác động của gió mùa với hướng núi.

**C**. độ dốc của địa hình theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. **D**. tác động mạnh mẽ của con người.

20. Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.

**B**. Có cảnh quan thiên nhiên cận nhiệt đới gió mùa.

**C.** Có cảnh quan thiên nhiên giống như vùng núi ôn đới.

**D**. Có cảnh quan thiên nhiên cận xích đạo gió mùa.

21. Thiên nhiên vùng núi thấp ở nước ta có đặc điểm nào dưới đây?

**A**. Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.

**B**. Có cảnh quan thiên nhiên cận nhiệt đới gió mùa.

**C.** Có cảnh quan thiên nhiên giống như vùng núi ôn đới.

**D**. Có cảnh quan thiên nhiên cận xích đạo gió mùa.

22. Thiên nhiên vùng núi cao Tây Bắc ở nước ta có đặc điểm nào dưới đây?

**A**. Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.

**B**. Có cảnh quan thiên nhiên cận nhiệt đới gió mùa.

**C**. Cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.

**D**. Có cảnh quan thiên nhiên cận xích đạo gió mùa.

23. Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao biểu hiện rõ ở các thành phần tự nhiên

**A**. khí hậu, đất, sinh vật. **B**. sông ngòi, sinh vật, đất.

**C**. khí hậu, khoáng sản, sông ngòi. **D**. khoáng sản, sinh vật, đất.

24. Ở nước ta nơi có thềm lục địa hẹp nhất là

**A**. vùng biển Bắc Bộ. **B**. vùng biển Bắc Trung Bộ.

**C.** vùng biển Nam Trung Bộ. **D**. vùng biển Nam Bộ.

25. Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm tự nhiên nào dưới đây?

**A.** Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

**B**. Đường bờ biển khúc khuỷu, thềm lục địa thu hẹp.

**C.** Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ nhau.

**D**. Mở rộng ra biển với các bãi triều thấp phẳng.

26. Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ có đặc điểm tự nhiên nào dưới đây?

**A**. Tiếp xúc với thềm lục địa rộng, nông. **B**. Cồn cát, đầm phá khá phổ biến.

**C**. Mở rộng với các bãi triều thấp phẳng. **D**. Phong cảnh thiên nhiên trù phú.

27. Thiên nhiên mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa là đặc trưng của vùng

**A**. Đông Bắc. **B**. Tây Bắc. **C**. Đồng bằng sông Hồng. **D**. Trung du miền núi Bắc Bộ.

28. Phong cảnh thiên nhiên trù phú, xanh tươi là đặc điểm của

**A**. đồng bằng châu thổ. **B**. đồng bằng ven biển. **C**. đồng bằng giữa núi. **D**. vùng đồi núi.

29. Có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa

**A**. khu Đông Bắc và Tây Bắc. **B**. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

**C.** đồng bằng ven biển và đồi núi phía Tây. **D**. đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ và Tây Nguyên.

30. Thiên nhiên nước ta **không** có đai cao nào dưới đây?

**A**. Đai xích đạo gió mùa. **B**. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.

**C.** Đai nhiệt đới gió mùa. **D**. Đai ôn đới gió mùa trên núi.

31. Ở miền Bắc, đai nhiệt đới gió mùa có độ cao trung bình

**A**. dưới 500 - 600m. **B.** dưới 600 -700m.

**C**. dưới 700 - 800m. **D**. dưới 800 - 900m.

32. Ở miền Nam, đai nhiệt đới gió mùa lên đến độ cao

**A**. 600 - 700m. **B**. 700 - 800m. **C**. 800 - 900m. **D**. 900 -1000m.

33. Trong đai nhiệt đới gió mùa, khí hậu có đặc điểm:

**A**. nóng, ẩm quanh năm. **B**. mùa hạ nóng. Độ ẩm thay đổi tùy nơi.

**C**. mát mẻ. Lượng mưa, ẩm lớn. **D**. quanh năm nhiệt độ dưới 150C.

34. Cảnh quan trong đai nhiệt đới gió mùa gồm:

**A**. rừng cận xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

**B**. rừng rậm xích đạo và rừng nhiệt đới gió mùa.

**C**. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa.

**D**. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng cận nhiệt đới lá rộng.

35. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm thiên nhiên đai nhiệt đới gió mùa?

A. Khí hậu có tính chất nhiệt đới. **B**. Nhóm đất feralit có diện tích lớn.

C. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới chiếm ưu thế. **D**. Rừng cận nhiệt đới ẩm gió mùa là chủ yếu.

36. Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở đai nhiệt đới gió mùa là

**A**. đất phù sa. **B**. đất feralit. **C**. đất mặn. **D**. đất phèn.

37. Ở nước ta đai nhiệt đới gió mùa có xu hướng

**A**. lên cao ở miền Bắc và hạ thấp ở miền Nam. **B.** hạ thấp ở miền Bắc và lên cao ở miền Nam.

C. lên cao ở miền núi và hạ thấp ở vùng đồng bằng. **D**. bằng nhau ở mọi nơi trên đất nước.

38. Nhóm sinh vật đặc trưng cho đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta là

**A**. hệ sinh thái nhiệt đới. **B**. hệ sinh thái cận xích đạo.

**C**. hệ sinh thái cận nhiệt đới. **D**. hệ sinh thái xích đạo.

39. Ở miền Bắc, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có độ cao

**A**. từ 600 - 700m lên đến 1600m. **B**. từ 700 - 800m lên đến 2600m.

**C**. từ 600 - 700m lên đến 2600m. **D**. từ 700 - 800m lên đến 1600m.

40. Ở miền Nam, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có độ cao

**A**. từ 600 - 700m lên đến 2600m. **B**. từ 700 - 800m lên đến 2600m.

**C**. từ 800 - 900m lên đến 2600m. **D**. từ 900 - 1000m lên đến 2600m.

41. Khí hậu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm là

**A**. mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình tháng trên 250C).

**B**. mát mẻ (không có tháng nào nhiệt độ trên 250C).

**C**. nhiệt độ trung bình các tháng trong năm đều trên 250C.

**D**. quanh năm nhiệt độ dưới 150C.

42. Các hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất feralit có mùn xuất hiện ở độ cao

**A.** từ 600 - 700m lên đến 1600 - 1700m. **B**. từ 1600 - 1700m đến 2000m.

**C.** từ 2000m đến 2600m. **D**. từ 2600m trở lên.

43. Ý nào sau đây đúng với đặc điểm thiên nhiên đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi?

**A**. Khí hậu mát mẻ, mưa nhiều, độ ẩm tăng.

**B**. Chủ yếu là đất feralit có mùn và đất mùn thô.

**C**. Rừng cận nhiệt đới phát triển mạnh. **D**. Xuất hiện loài cây ôn đới.

44. Đai ôn đới gió mùa ở nước ta chỉ xuất hiện ở

**A**. dãy Hoàng Liên Sơn. **B**. dãy Bạch Mã.

**C**. dãy Hoành Sơn. **D**. dãy Trường Sơn Bắc.

45. Đặc điểm tự nhiên nào dưới đây **không** phải của đai ôn đới gió mùa trên núi?

**A.** Quanh năm nhiệt độ dưới 150C, mùa đông xuống dưới 50C.

**B**. Thực vật gồm các loài ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam….

**C**. Chủ yếu là đất mùn thô.

**D**. Các loài thú có lông dày như gấu, sóc, cầy, cáo…

46. Đai ôn đới gió mùa trên núi (độ cao từ 2600m trở lên) có đặc điểm khí hậu

**A**. mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm dưới 200C.

**B**. quanh năm nhiệt độ dưới 150C, mùa đông xuống dưới 50C.

**C**. mùa hạ nóng (trung bình trên 250C), mùa đông lạnh dưới 100C.

**D**. quanh năm lạnh, nhiệt độ trung bình tháng dưới 100C.

47. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm địa hình cơ bản nào dưới đây?

**A**. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, các dãy núi có hướng vòng cung.

**B**. Các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông theo hướng Tây Bắc- Đông Nam.

**C**. Là nơi duy nhất có địa hình núi cao ở Việt Nam với đủ ba đai cao.

**D**. Gồm có các khối núi cổ, sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan.

49. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm khí hậu nào dưới đây?

**A**. Khí hậu cận xích đạo gió mùa. Biên độ nhiệt độ trong năm nhỏ.

**B**. Trong năm chia thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

**C**. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh.

**D**. Vào mùa hạ, nhiều nơi có gió fơn khô nóng hoạt động.

50. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13-14, dãy núi thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

**A**. Con Voi. **B**. Hoàng Liên Sơn. **C**. Hoành Sơn. **D**. Pu Sam Sao.

51. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A**. Địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế. **B**. Có mùa đông lạnh rõ rệt.

**C**. Cảnh quan thay đổi 2 mùa rõ rệt. **D**. Trữ lượng than lớn nhất nước.

52. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên một mùa đông lạnh rõ rệt là đặc trưng khí hậu của

**A**. miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. **B**. miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

**C**. miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. **D**. châu thổ sông Hồng.

53. Ở nước ta, có đủ 3 đai cao thuộc

**A**. miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. **B**. miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

**C.** miền đồi núi. **D**. miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

54. Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm thiên nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Địa hình núi ưu thế với nhiều sơn nguyên, cao nguyên.

**B**. Khí hậu nhiệt đới, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm.

**C**. Thung lũng sông lớn, đồng bằng mở rộng.

**D**. Đã xuất hiện các loài thực vật phương Nam.

55. Đặc điểm địa hình cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

**A**. đồi núi thấp chiếm ưu thế, các dãy núi có hình cánh cung.

**B**. cấu trúc địa hình chủ yếu là hướng Tây Bắc - Đông Nam.

**C**. các cao nguyên badan xếp tầng và núi cao lan ra biển.

**D**. có đồng bằng nhỏ hẹp ven biển và đồng bằng châu thổ mở rộng.

56. Địa hình miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

**A**.Các thung lũng sông lớn có hướng vòng cung. **B**. Cấu trúc địa chất - địa hình phức tạp.

**C**. Nơi duy nhất có địa hình núi cao với đủ ba đai cao. **D**. Có đồng bằng châu thổ lớn nhất nước.

57. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm khí hậu nào dưới đây?

**A**. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhất.

**B**. Có khí hậu cận xích đạo gió mùa.

**C**. Trong năm chia thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

**D**. Vào mùa hạ, nhiều nơi có gió fơn khô nóng hoạt động.

58. Đặc điểm vùng ven biển của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

**A**. địa hình bờ biển đa dạng, nhiều đảo và quần đảo.

**B**. có đáy nông, tập trung nhiều đảo và quần đảo ven bờ.

**C**. có nhiều bãi cát phẳng, cồn cát, đầm phá.

**D**. bờ biển khúc khuỷu, nhiều vịnh biển sâu.

59. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm địa hình nào dưới đây?

**A**. Các dãy núi có hướng vòng cung mở ra phía bắc.

**B**. Các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông theo hướng tây bắc-đông nam.

**C**. Là nơi duy nhất có địa hình núi cao ở Việt Nam với đủ ba đai cao.

**D**. Gồm có các khối núi cổ, sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan.

60. Ý nào sau đây đúng về đặc điểm địa hình của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**A**. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, đồng bằng mở rộng.

**B**. Địa hình cao nhất cả nước với nhiều sơn nguyên.

**C**. Có đồng bằng châu thổ rộng, đồng bằng ven biển hẹp.

**D**. Các dãy núi có hướng Tây Bắc - Đông Nam.

61. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm địa hình miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**A**. Nhiều cao nguyên badan nhất cả nước. **B**. Bờ biển khúc khuỷu, nhiều vịnh nước sâu.

**C**. Đồng bằng thu hẹp ở ven biển Nam Trung Bộ. **D**. Các dãy núi có hướng Tây Bắc - Đông Nam.

62. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13-14, cho biết cao nguyên nào sau đây **không** thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**A**. Lâm Viên. **B**. Di Linh. **C**. Mơ Nông. **D**. Tà Phình.

63. Khí hậu cận xích đạo gió mùa là đặc trưng cơ bản của miền

**A**. miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. **B**. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**C**. miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. **D**. duyên hải miền Trung.

64.Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm thiên nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**A**. Khí hậu cận xích đạo gió mùa với một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.

**B**. Thành phần loài sinh vật xích đạo và nhiệt đới chiếm ưu thế.

**C.** Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

**D**. Phần lớn đồng bằng có diện tích nhỏ, hẹp khó phát triển nông nghiệp.

65. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm sút làm cho tính chất nhiệt đới tăng dần là đặc trưng khí hậu của

**A**. miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. **B**. miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

**C**. miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. **D**. đồng bằng sông Cửu Long.

66. Thuận lợi cơ bản về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

**A**. có đồng bằng châu thổ rộng lớn, màu mỡ. **B.** mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**C**. khí hậu có sự phân mùa rõ rệt. **D**. sinh vật phong phú.

67. Thuận lợi cơ bản về tự nhiên để phát triển công nghiệp ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

**A**. khí hậu cận xích đạo gió mùa. **B**. đồng bằng châu thổ rộng lớn.

**C**. thành phần loài sinh vật phong phú. **D**. có nhiều dầu khí và bôxit.

68. Ở nước ta, mùa khô diễn ra nghiêm trọng nhất ở miền

**A**. Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. **B**. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**C**. Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. **D**. Duyên hải miền Trung.

**BÀI 14. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**Câu 1:** Tài nguyên không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn giữ vai trò cân bằng sinh thái là

**A**. rừng. **B**. đất. **C**. khoáng sản. **D**. nước.

**Diện tích rừng của nước ta qua một số năm.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng diện tích có rừng  (triệu ha) | Diện tích rừng tự nhiên  (triệu ha) | Diện tích rừng trồng (triệu ha) | Độ che phủ  ( % ) |
| 1943 | 14, 3 | 14, 3 | 0 | 43 |
| 1983 | 7, 2 | 6, 8 | 0, 4 | 22 |
| 2014 | 13, 9 | 10, 4 | 3, 5 | 41 |

*Căn cứ vào bảng số liệu trên để trả lời các câu hỏi 2,3,4,5:*

**Câu 2:** Nguyên nhân chính của sự suy giảm rừng giai đoạn 1943 – 1983 là do

**A**. lối sống du canh, du cư. **B**. cháy rừng do chiến tranh.

**C**. đốt nương làm rẫy. **D**. cháy rừng do khô hạn.

**Câu 3:** Nhận định đúng và đầy đủ nhất là:

**A**. Tổng diện tích rừng đã được khôi phục hoàn toàn.

**B**. Diện tích rừng tăng nên độ che phủ rừng cũng tăng.

**C**. Diện tích và chất lượng rừng tăng nhưng chưa phục hồi.

**D**. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

**Câu 4:** Biểu đồ thích hợp để thể hiện diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943 - 2014 là biểu đồ

**A**. miền. **B**. tròn. **C**. cột. **D**. cột kết hợp đường.

**Câu 5:** Độ che phủ rừng tỉ lệ thuận với

**A**. tổng diện tích có rừng. **C**. diện tích đất rừng.

**B**. diện tích rừng tự nhiên. **D**. diện tích rừng trồng.

**Câu 6:** Sau năm 1983, tổng diện tích rừng ở nước ta tăng chủ yếu do

**A**. chính sách định canh, định cư. **C**. người dân tích cực bảo vệ rừng.

**B**. rừng tự nhiên phục hồi. **D**. chính sách giao đất, giao rừng cho người dân.

**Câu 7:** Đối với vùng đồi núi dốc ở nước ta độ che phủ rừng phải đạt bao nhiêu % mới đủ để bảo vệ môi trường?

**A**. 50 - 60% **B**. 60 -70 % **C**. 70 - 80% **D**. 80 - 90%

**Câu 8:** “Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc” là quy định của Nhà nước ta đối với

**A**. rừng đặc dụng. **B**. rừng phòng hộ. **C**. rừng sản xuất. **D**. các loại rừng.

**Câu 9:** Loại rừng nào sau đây ***không*** nằm trong hệ thống phân loại rừng theo mục đích sử dụng ở nước ta hiện nay?

**A**. Rừng ngập mặn **B**. Rừng phòng hộ **C**. Rừng đặc dụng **D**. Rừng sản xuất

**Câu 10:** Loại rừng nào sau đây ***không*** nằm trong hệ thống rừng phòng hộ?

**A**. Rừng đầu nguồn **B**. Rừng ngập mặn **C**. Rừng chắn cát **D**. Rừng quốc gia

**Câu 11:** Loại rừng nào sau đây ***không*** nằm trong hệ thống rừng đặc dụng?

**A**. Vườn quốc gia **B**. Khu bảo tồn sinh học **C.** Rừng phi lao  **D**. Khu dự trữ sinh quyển

**Câu 12:** Rừng quốc gia Cát Tiên được xếp vào hệ thống

**A**. rừng phòng hộ. **B**. rừng sản xuất. **C**. rừng đặc dụng. **D.** rừng sinh thái.

**Câu 13:** Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng là

**A**. trồng rừng trên đất trống đồi trọc.

**B**. bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.

**C**. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

**D**. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

**Câu 14**: Việc bảo vệ tài nguyên rừng của nước ta có ý nghĩa chiến lược trong việc

**A**. phát triển du lịch sinh thái. **B.** chống xói mòn, rửa trôi đất.

**C**. cân bằng môi trường sinh thái. **D**. nâng cao độ che phủ đất rừng.

**Câu 15:** Một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng đang được triển khai ở nước ta hiện nay là

**A**. cấm khai thác và xuất khẩu gỗ. **B**. nhập khẩu gỗ để chế biến.

**C**. giao đất, giao rừng cho nông dân. **D**. trồng mới 5 triệu ha rừng/ năm.

**Câu 16:** Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ diện tích rừng lấy gỗ ít do nguyên nhân trực tiếp nào?

**A**. Khí hậu không phù hợp. **B**. Đất không phù hợp.

**C**. Diện tích lãnh thổ nhỏ. **D**. Địa hình đồng bằng.

**Câu 17:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết: Kon Tum và Lâm Đồng thuộc vùng nông nghiệp nào?

**A**. Đông Nam Bộ **B**. Tây Nguyên **C**. duyên hải Nam Trung Bộ **D**. Bắc Trung Bộ

**Câu 18:** Biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ sự đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay là

**A**. xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia. **B**. ban hành “sách đỏ Việt Nam”.

**C**. có qui định về khai thác. **D**. cấm khai thác và xuất khẩu gỗ.

**Câu 19:** Mục tiêu của việc ban hành “sách Đỏ” Việt Nam là

**A**. đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước.

**B**. bảo tồn nguồn gien quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**C**. bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm.

**D**. kiểm kê các loài động, thực vật ở Việt Nam.

**Câu 20:** Ý nào sau đây ***không*** phải là quy định về việc khai thác các nguồn lợi sinh vật ở nước ta?

**A**. Cấm gây cháy rừng. **B**. Cấm săn bắt trái phép.

**C**. Cấm dùng chất nổ để bắt cá. **D.** Cấm khai thác gỗ.

**Câu 21:** Số lượng loài sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng nhiều nhất hiện nay ở nước ta là

**A**. thú. **B**. thực vật. **C**. chim. **D**. bò sát.

**Câu 22:** Ý nào sau đây ***không*** phải là biện pháp nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học?

**A**. Quy định việc khai thác gỗ. **C**. Ban hành “sách Đỏ” Việt Nam.

**B**. Tích cực trồng và bảo vệ rừng. **D**. Nuôi tôm ở vùng rừng ngập mặn.

**Câu 23:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, khu dự trữ sinh quyển thế giới Cần Giờ thuộc tỉnh/ thành phố nào?

**A**. Tỉnh Bến Tre. **B**. Thành phố Hồ Chí Minh.

**C**. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. **D**. Tỉnh Cà Mau.

**Câu 24:** Ở nước ta hiện nay, khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng là

**A**. vô tận. **B.** nhiều. **C**. không còn. **D**. ít.

**Câu 25:** Giải pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực ở khu vực đồng bằng là

**A**. thâm canh, tăng vụ. **B.** canh tác hợp lí

**C**. sử dụng hợp lí đất nông nghiệp.  **D**. cải tạo đất.

**Câu 26:** Ý nào sau đây ***không*** phải là giải pháp để nâng cao chất lượng tài nguyên đất ở đồng bằng?

**A**. Canh tác hợp lí. **B**. Cải tạo đất.

**C**. Tăng vụ. **D**. Xử lí chất thải từ các khu công nghiệp.

**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, loại đất chiếm tỉ lệ lớn nhất cần phải cải tạo ở đồng bằng nước ta là

**A**. đất phèn. **B**. đất mặn. **C**. đất xám bạc màu. **D**. đất cát biển.

**Câu 28:** Biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở miền núi nước ta là

**A**. đất bị hoang mạc hóa. **B**. đất nhiễm phèn. **C**. đất bạc màu. **D**. đất nhiễm mặn.

**Câu 29:** Giải pháp để bảo vệ hiệu quả tài nguyên đất ở miền núi là

**A**. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. **B**. có chế độ canh tác hợp lí.

**C**. cải tạo thích hợp với từng loại đất.

**D**. áp dụng tổng thể các biện pháp thuỷ lợi, canh tác nông - lâm.

**Câu 30:** Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước ở nước ta hiện nay bị ô nhiễm nghiêm trọng là

**A**. nông nghiệp thâm canh cao nên sử dụng nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.

**B**. hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.

**C**. giao thông vận tải đường thuỷ phát triển, chất thải trên sông nhiều.

**D**. việc khai thác dầu khí ở thềm lục địa và sự cố tràn dầu trên biển.

**Câu 31:** Giải pháp hiệu quả nhất để đảm bảo cân bằng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay là

**A**. phát triển công trình thủy lợi. **B**. trồng rừng.

**C.** xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất. **D**. sử dụng nước tiết kiệm.

**Câu 32.** Trong những năm qua, tổng diện tích rừng nước ta đang tăng dần lên nhưng

**A**. diện tích rừng tự nhiên vẫn giảm. **B.** diện tích rừng trồng vẫn không tăng.

**C**. độ che phủ rừng vẫn giảm. **D.** tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.

**Câu 33.** Một trong những nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng phòng hộ là

**A**. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các vườn quốc gia.

**B.** đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

**C**. trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.

**D**. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng.

**Câu 34.** Một trong những nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng sản xuất là

**A**. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên.

**B**. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

**C**. trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.

**D**. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng.

LỚP 11:

LỚP 10: